

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày 08/5/2020

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN - TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Quyên;
2. Bà Trần Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXX-ST ngày 30 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn 1, D, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/01/2020, bản khai, lời khai chị Nguyễn Thị K trình bày:

Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn Q lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang ngày 16/11/1996. Sau ngày cưới, vợ chồng làm ăn sinh sống tại tỉnh Bắc Giang và ở nhờ tại nhà mẹ đẻ chị K. Tháng 01 năm 2003, vợ chồng đưa các con về ở cùng với mẹ đẻ

anh Q tại xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam để làm ăn sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì bắt đầu mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và anh Q nghi ngờ chị K ngoại tình với người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Khoảng tháng 3 năm 2014, chị K đi làm xa về thì bị anh Q đánh chửi thậm tệ, bắt chị phải tự viết giấy nhận việc ngoại tình, ngay lúc đó chị K đã xác định không thể tiếp tục chung sống được với anh Q nữa nên chị đã viết giấy nhận mình đã ngoại tình với người đàn ông khác đưa cho anh Q. Anh Q còn nghi ngờ cháu T không phải con của anh Q nên đánh đập chị. Vì vậy, chị K thu dọn đồ dùng cá nhân về nhà mẹ đẻ ở tỉnh Bắc Giang sinh sống, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm. Nay chị K cho rằng vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn với anh Q.

Ý kiến của anh Q lưu tại hồ sơ: Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại xã ở tỉnh B quê của chị K, việc anh và chị K kết hôn có tự nguyện hay không thì anh không nhớ vì thời gian đã lâu. Sau khi kết hôn vợ chồng ở nhờ nhà mẹ đẻ chị K tại tỉnh Bắc Giang và làm ăn sinh sống tại đó đến năm 2003 thì chuyển về sinh sống tại nhà mẹ đẻ của anh Q ở xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam. Khi cháu T học lớp 2 thì chị K đi ngoại tình với người đàn ông khác, nhiều lần anh Q tha thứ tìm về đoàn tụ nhưng chị K kiên quyết không về. Anh Q nghi ngờ chứ không chứng kiến việc chị K ngoại tình. Anh Q cho rằng vợ chồng mâu thuẫn quá căng thẳng và sống ly thân nhiều năm nay nên vợ chồng không thể đoàn tụ. Anh Q không nhất trí đoàn tụ, không nhất trí ly hôn mà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo yêu cầu của chị K.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng không tiến hành phiên hoà giải được vì anh Q vắng mặt không có lý do.

- Về con chung: Chị K và anh Q đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn N, sinh ngày 23/02/1998 và cháu Nguyễn Hà T, sinh ngày 01/01/2005. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh Q, cháu N đã đủ 18 tuổi khỏe mạnh, trưởng thành, tự lập, chị K và anh Q không còn phải nuôi dưỡng và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu ly hôn chị K và anh Q đều có nguyện vọng được nuôi cháu T, chị K không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung, nếu cháu T có nguyện vọng ở với bố thì chị K đồng ý giao cháu T cho anh Q tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, chị K sẽ cấp dưỡng nuôi con nếu anh Q yêu cầu và theo quy định của pháp luật; anh Q yêu cầu chị K cấp dưỡng tiền nuôi cháu T theo quy định của pháp luật, cụ thể là 50% số tiền nuôi cháu T từ khi ly hôn đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị K và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn, anh Nguyễn Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình nên vụ án được giải quyết theo thủ tục chung.

- Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn Q là hợp pháp, vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng do anh Q nghi ngờ chị K ngoại tình với người đàn ông khác, vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến nay không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị K và anh Q. Về con chung: Cháu N đã đủ 18 tuổi trưởng thành, tự lập nên không phải giải quyết. Giao cháu T cho anh Q chăm sóc nuôi dưỡng, chị K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng. Các vấn đề khác chị K, anh Q không yêu cầu nên không phải giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị K với anh Nguyễn Văn Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị K có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn, anh Nguyễn Văn Q đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không có lý do; căn cứ khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị K với anh Nguyễn Văn Q là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh Q nghi ngờ chị K ngoại tình với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xuyên đánh chửi nhau. Từ đầu năm 2014 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai; quá trình giải quyết vụ án chị K cương quyết xin ly hôn, anh Q cũng xác định vợ chồng không thể đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên giải quyết ly hôn giữa chị K và anh Q là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn N, sinh ngày 23/02/1998 và cháu Nguyễn Hà T, sinh ngày 01/01/2005. Hiện nay cả

hai cháu đang ở với anh Q. Cháu N đã đủ 18 tuổi khỏe mạnh, trưởng thành, tự lập, chị K và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

Đối với cháu Nguyễn Hà T, chị K và anh Q đều có yêu cầu được nuôi con chung, chị K không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung, anh Q yêu cầu chị K cấp dưỡng tiền nuôi cháu T theo quy định của pháp luật, cụ thể là 50% số tiền nuôi cháu T từ khi ly hôn đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Xét thấy, cháu T có nguyện vọng được ở với bố; hiện nay chị K làm ăn sinh sống tại tỉnh B còn cháu T đang ổn định học tập tại xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam. Để đảm bảo ổn định điều kiện học tập của cháu T, Hội đồng xét xử thấy nên tiếp tục giao cháu T cho anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu T: Anh Q không đưa ra số tiền cụ thể để yêu cầu chị K cấp dưỡng và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Do đó, căn cứ vào điều kiện sống, điều kiện học tập hàng tháng của học sinh THCS hiện nay trên địa bàn huyện Lý Nhân tại thời điểm hiện nay, Hội đồng xét xử thấy nên buộc chị K phải cấp dưỡng nuôi cháu T là 2.000.000đ/tháng đến khi cháu T đủ 18 tuổi là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị K với anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Cháu Nguyễn Văn N, sinh ngày 23/02/1998 đã đủ 18 tuổi trưởng thành tự lập nên không phải giải quyết.

- Giao cháu Nguyễn Hà T, sinh ngày 01/01/2005 cho anh Nguyễn Văn Q tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị K phải cấp dưỡng nuôi cháu T cho anh Q là 2.000.000đ/tháng (*Hai triệu đồng*), kể từ tháng 5/2020 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị K phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được đối trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị K đã nộp theo biên lai số AA2015/0003632 ngày 14/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị K phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS Lý Nhân;
- UBND xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang;
- Đương sự;
- Công TTĐT Tòa án;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Quốc Huy